

*Thứ hai ngày 18 tháng 12 năm 2023*

Hoạt động trải nghiệm

Sinh hoạt dưới cờ: Diễn đàn phòng chống bạo lực học đường

.......................................................

**Tiếng Việt**

**Bài 66: uôi uôm**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *uôi,uôm;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *uôi, uôm*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

 - HS viết đúng các vần *uôi, uôm* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *uôi, uôm.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 Tự chủ và tự học : HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của bản thân.

 **b. Năng lực đặc thù :**

 Năng lực ngôn ngữ:

 - Phát triển ngôn ngữ nói về việc đi lại trên biển.

**3. Phẩm chất:**

Yêu nước: HS cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và đời sống trên biển thông qua đoạn văn đọc và các hình ảnh trong bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, màn hình

- SGK, vở, bảng con

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**- HS hát chơi trò chơi**2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới****2.1. Nhận biết**- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi+ Em thấy gì trong tranh? - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. - GV cũng có thể đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Thuyền buồm xuôi theo chiều gió.- GV gìới thiệu các vần mới uôi, uôm. Viết tên bài lên bảng.**2.2. Đọc****a. Đọc vần****- So sánh các vần** + GV gìới thiệu vần uôi, uôm. + GV yêu cầu một số (2-3) HS so sánh vần uôi, uôm để tìm ra điểm gìống và khác nhau. - GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.**- Đánh vần các vần** + GV đánh vần mẫu các vần uôi, uôm.+ GV yêu cầu một số (4-5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 2 vần.+ GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần**-Đọc trơn các vần**+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 2 vần.+ GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 2 vần một lần.**- Ghép chữ cái tạo vần** + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần uôi.+ GV yêu cầu HS thảo chữ i, ghép m vào để tạo thành uôm.+ GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh uôi, uôm một số lần.**b. Đọc tiếng****- Đọc tiếng mẫu** + GV gìới thiệu mô hình tiếng xuôi. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng xuôi.+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng xuôi.Lớp đánh vần đồng thanh tiếng xuôi.+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng xuôi. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng xuôi.**- Đọc tiếng trong SHS** + Đánh vần tiếng. + GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.+ Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.+ GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.**- Ghép chữ cái tạo tiếng**+ HS tự tạo các tiếng có chứa vần uôi, uôm.+ GV yêu cầu 1- 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.+ GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.**c. Đọc từ ngữ**- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: con suối, buổi sáng, quả muỗm. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn chong chóng- GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ con suối xuất hiện dưới tranh. - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần uôi trong suối, phân tích và đánh vần tiếng suối, đọc trơn con suối. GV thực hiện các bước tương tự đối với buổi sáng, quả muỗm - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3- 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.**d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ** - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đổng thanh một lần,**2.3. Viết bảng**- GV đưa mẫu chữ viết các vần uôi, uôm. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần uôi, uôm.- GV yêu cầu HS viết vào bảng con: uôi, uôm, chong, bông, suối, muỗm. (chữ cở vừa). - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.- GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HSchơi-HS : những chiếc thuyền buồm-HS lắng nghe- HS đọc Thuyền buồm /xuôi theo chiều gió.Theo GV- HS lắng nghe và quan sát- HS so sánh giống nhau đều có uô đứng trước, khác nhau là những âm đứng sau.- HS: lắng nghe-HS nối tiếp, mỗi em đánh vần cả 2 vần- Cả lớp đồng thanh.- HS nối tiếp đọc, mỗi em đọc cả 2 vần- Cả lớp đồng thanh- HS ghép uôi- HS: HS thảo chữ i, ghép m vào để tạo thành uôm.- Cả lớp đồng thanh-HS lắng nghe- HS ghép : xuôi-HS đánh vần tiếng , cả lớp- HS đọc trơn . Cả lớp đọc trơn đồng thanh -HS đánh vần tiếng nối tiếp ( *muối, muỗi, nguội, tuổi, buồm, muỗm, nhuốm, nhuộm*). Lớp đánh vần đồng thanh.- HS đọc trơn ( *muối, muỗi, nguội, tuổi, buồm, muỗm, nhuốm, nhuộm*). - HS: đọc trơn tất cả các tiếng: *muối, muỗi, nguội, tuổi*- HS: *buồm, muỗm, nhuốm, nhuộm*- HS: lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng .- HS tự tạo ghép: *suối, cuội, nuôi, cuối, …*-HS phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.- HS : đồng thanh các tiếng ghép được chọn.-HS lắng nghe, quan sát-HS nói: *con suối*- HS: phân tích, đánh vần tiếng suối, đọc trơn từ con suối-HS nhận biết thực hiện tương tự- HS đọc nối tiếp các từ ngữ dưới tranh, Lớp đọc đồng thanh một số lần.-HS đọc dãy, cả lớp đồng thanh các tiếng từ ngữ ở phần Đọc.- HS quan sát-HS viết bảng con-HS nhận xét-HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4. Viết vở**- GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần uôi, uôm từ ngữ con suối, quả muỗm.- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.- GV nhận xét và sửa bài của một số HS**2.5. Đọc đoạn**- GV đọc mẫu cả đoạn.- GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần uôi, uôm.- GV yêu cầu một số (4- 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng . Từng nhóm rối cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần uôi, uôm trong đoạn văn một số lần.- GV yêu cầu HS xác định số cầu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một cầu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.- GV yêu cầu một số (2-3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.- GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:+ Buổi sớm mai, mặt biển được miêu tả như thế nào?+ Có thể nhìn thấy những gì trên trời và trên biển vào lúc đó?**2.6. Nói theo tranh**- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi HS trả lời: + Các em nhìn thấy những phương tiện gì trong tranh? + Em có biết tên những phương tiện đó không? + Em có biết các phương tiện này di chuyển bằng cách nào không? + Theo em, phương tiện nào di chuyển nhanh hơn? + Nếu đi lại trên biển, em chọn phương tiện nào? Vì sao?**3. Củng cố**- GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần uôi, uôm và đặt cầu với từ ngữ tìm được.- GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS | - HS lắng nghe-HS viết- HS lắng nghe- HS lắng nghe- HS đọc thầm, tìm: *nhuộm, đuôi*- HS đọc trơn *nhuộm, đuôi* , cả lớp đọc- HS xác định: 4 câu- HS: nối tiếp câu, cả lớp đồng thanh.- HS đọc cả đoạn ( 3 em)- HS : nhuộm một màu xanh biếc- HS : ông mặt trời nhô lên, đàn hải âu sải cánh bay liệng , xa xa cánh buồm căng gió,…- HS quan sát trả lời các câu hỏi.- HS : giao thông đường thủy- HS : tàu, thuyền thúng, thuyền buồm- HS : bằng động cơ hoặc chèo- HS: tàu thủy- HS: tàu thủy-HS tìm: con suối, cánh buồm, - HS: Con suối chảy róc rách.- HS: Cánh buồm nhiều màu rất đẹp.-HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Toán**

**Bài 13: Luyện tập chung( 3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được ý nghĩa thực tế của phép cộng, phép trừ. Thực hiện được phép cộng, phép trừ (tính nhẩm) trong phạm vi 10.

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết hoàn thành bài tập.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập phép cộng,trừ trong phạm vi 10.

- Năng lực giao tiếp : Giao tiếp, diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài toán,…

**b. Năng lực đặc thù:**

 - Năng lực tư duy và lập luận: Tiếp tục củng cố năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp khi nêu được phép tính thích hợp với mỗi tình huống thực tế (qua tranh vẽ).

**3. Phẩm chất :**

Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Bộ đồ dùng học toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 3**

| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**- Ổn định tổ chức - Giới thiệu bài**2.Hoạt động Luyện tập, thực hành****Luyện tập****Bài 1: Số ?****-** GV nêu yêu cầu bài tập- Yêu cầu HS dựa vào hình vẽ hình thành các phép tính rồi tính kết quả, tìm ra số thích hợp trong ô trống 13- GV cùng HS nhận xét- Yêu cầu HS đọc lại từng phép tính**Bài 2: Số ?****-** GV nêu yêu cầu bài tập- Yêu cầu HS dựa vào hình vẽ hình thành các phép tính rồi tính kết quả, tìm ra số thích hợp trong ô trống. 13**-** GV cùng HS nhận xét**Bài 3: > ,< , =?****-** GV nêu yêu cầu bài tập- Yêu cầu HS tính kết quả rồi so sánh13- GV cùng HS nhận xét**Bài 4: Số ?****-** GV nêu yêu cầu bài tập- Yêu cầu HS dựa vào hình vẽ hình thành các phép tính rồi tính kết quả, tìm ra số thích hợp trong ô trống 14**-** GV cùng HS nhận xét**3.Củng cố, dặn dò**- Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Hát- HS theo dõi - HS theo dõi - HS thực hiện, nêu kết quả: 4+6=10- HS nhận xét- HS đọc lại từng phép tính- HS theo dõi- HS thực hiện, trả lời: 8 + 2 = 10- HS nhận xét- HS theo dõi- HS tính rồi so sánh, nêu kết quả:a) 9>4+1 b) 3+4=7 8=10-2 7+2>8 7<2+6 10-2>7- HS nhận xét- HS theo dõi- HS thực hiện theo nhóm, nêu kết quả: 8-3=5- HS nhận xét- Biết tìm được số cho các phép tính tương ứng với hình vẽ, biết so sánh các số với phép tính. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



*Thứ ba ngày 19 tháng 12 năm 2023*

**Tiếng Việt**

**Bài 67: uôt uôc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *uôc, uôt;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *uôc, uôt*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

 - HS viết đúng các vần *uôc, uôt* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *uôc, uôt.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 Giao tiếp và hợp tác: Thông qua phần luyện nói, phát triển cho HS kỹ năng nói lời chúc mừng sinh nhật bạn.

**b. Năng lực đặc thù :**

 Năng lực ngôn ngữ:

 - Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Đi sinh nhật bạn.

**3. Phẩm chất:**

Nhân ái : Thông qua đoạn đọc, nói HS cảm nhận được tình cảm gia đình, nhất là tình cảm và sự chăm sóc của mẹ dành cho con.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm uôt, uôc cấu tạo và cách viết các vần uôt, uôc hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách gìải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**- HS hát chơi trò chơi- GV cho HS viết bảng uôi, uôm**2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới****2.1 Nhận biết**- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi Em thấy gì trong tranh? - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. - GV cũng có thể đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Mẹ vuốt tóc và buộc nơ cho Hà.- GV gìới thiệu các vần mới uôt, uôc. Viết tên bài lên bảng.**2.2. Đọc****a. Đọc vần****- So sánh các vần** + GV gìới thiệu vần uôt, uôc.+ GV yêu cầu một số (2- 3) HS so sánh các vần uôt, uôc để tìm ra điểm gìống và khác nhau.+ GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.- **Đánh vần các vần**+ GV đánh vần mẫu các vần uôt, uôc.+ GV yêu cầu một số (4 -5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 2 vần.+ GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.- **Đọc trơn các vần**+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 2 vần.+ GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 2 vần một lần.- **Ghép chữ cái tạo vần**+ GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần uôt.+ GV yêu cầu HS tháo chữ t, ghép c vào để tạo thành uôc.- GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh uôt, uôc một số lần.**b. Đọc tiếng****- Đọc tiếng mẫu** + GV gìới thiệu mô hình tiếng buộc. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng buộc.+ GV yêu cầu một số (4-5) HS đánh vần tiếng buộc. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng buộc.+ GV yêu cầu một số (4-5) HS đọc trơn tiếng buộc. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng buộc.- Đọc tiếng trong SHS + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau . Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.**+ Đọc trơn tiếng.**- GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt. + Mỗi HS đọc trong các tiếng chứa một vần- GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả**- Ghép chữ cái tạo tiếng** + HS tự tạo các tiếng có chứa vần uôt, uôc+ GV yêu cầu 1- 2 HS phân tích tiếng, 1-2 HS nêu lại cách ghép.+ GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.**c. Đọc từ ngữ** - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ngọn đuốc, viên thuốc, con chuột - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ngọn đuốc, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ ngọn đuốc, xuất hiện dưới tranh. - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần uôc trong ngọn đuốc,, phân tích và đánh vần tiếng đuốc, đọc trơn từ ngữ ngọn đuốc,. GV thực hiện các bước tương tự đối với viên thuốc, con chuột - GV yêu cầu HS đọc trơn nói tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3- 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.**d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**- GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.**2.3. Viết bảng**- GV đưa mẫu chữ viết các vần uôt, uôc. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần uôt, uôc.- GV yêu cầu HS viết vào bảng con: uôt, uôc , đuốc, chuột.(chữ cỡ vừa). - HS nhận xét bài của bạn.- GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -HS chơi-HS viết-HS trả lời-HS nói Mẹ vuốt tóc /và buộc nơ cho Hà.Theo GV- HS đọc-HS lắng nghe và quan sát-HS tìm giống uô, khác c, t-HS lắng nghe-HS lắng nghe, quan sát-HS đánh vần nối tiếp , mỗi em 2 vần- Lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.- HS đọc trơn vần, mỗi em 2 vần. - Cả lớp đọc trơn đồng thanh .-HS tìm ghép uôt-HS ghép tháo chữ t, ghép c vào để tạo thành uôc.-HS đọc uôc, uôt-HS lắng nghe-HS đánh vần *buộc* . Lớp đánh vần đồng thanh.- HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.-HS đánh vần các tiếng ( *cuốc, luộc, ruốc, thuộc, buốt, muốt, ruột, tuột*), lớp đánh vần- HS đọc nối tiếp ( 2 lượt)- HS đọc 1 lần *cuốc, luộc, ruốc, thuộc( 2 lượt)*- HS đọc 1 lần *buốt, muốt, ruột, tuột ( 2 lượt )*- Cả lớp đồng thanh-HS tự tạo ghép :*luộc, cuộc, tuộc, buột, vuốt,…*-HS phân tích- Lớp đọc trơn đồng thanh các tiếng được chọn.-HS lắng nghe, quan sát-HS nói: ngọn đuốc, phân tích đánh vần tiếng đuốc, đọc trơn từ ngọn đuốc-HS nhận biết, thực hiện tương với các từ khác-HS đọc nối tiếp ( 3 lượt)- Cả lớp đồng thanh- HS đọc- HS đọc các tiếng, các từ ở phần Đọc-HS lắng nghe,quan sát-HS viết bảng lần lượt-HS nhận xét-HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4. Viết vở**- GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần uôt, uôc; từ ngữ ngọn đuốc, con chuột. GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.**2.5. Đọc**- GV đọc mẫu cả đoạn.- GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần uôt, uôc.- GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trong các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần uôt, uôc trong đoạn văn một số lần.- GV yêu cầu HS xác định số cầu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một cầu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.- GV yêu cầu một số (2-3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.- GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:+ Mẹ cho Hà đi đâu?+ Từ ngữ nào thể hiện Hà rất vui?+ Hà mặc gì khi đi chơi?+ Theo mẹ Hà, khi đi chơi, cần phải ăn mặc như thế nào?**2.6. Nói theo tranh**- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: + Em nhìn thấy những ai và những gì trong bức tranh? + Các bạn ấy đang làm gì? + Em đã bao giờ làm những việc đó chưa?+ Nếu đã làm, em có cảm thấy thích thú khi làm việc đó không?**3. Củng cố**- GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần uôt, uôc và đặt cầu với từ ngữ tìm được.- GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần uôt, uôc và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp nhà. | -HS viết vở- HS nhận xét- HS lắng nghe- HS đọc thầm, tìm: *vuốt, buộc*- HS đọc *vuốt, buộc* cá nhân, cả lớp đồng thanh.-HS xác định: 5 câu- HS đọc nối tiếp câu, cả lớp đồng thanh.- HS đọc nối tiếp đọc ( 3 em)- HS : đi công viên- HS : thích thú và háo hức- HS : váy trắng, giày màu hồng- HS : ăn mặc gọn gàng, lịch sự.- HS trả lời.- HS quan sát.- HS : hai bạn, quà, thiệp mời- HS : Nam gói quà, Hà viết thiệp mời- HS : Em đã tổ chức sinh nhật và mời các bạn đến dự- HS : Em rất vui-HS tìm: *cuốc đất, thuộc bài, lạnh buốt, luộc rau,*- HS: Bố đang cuốc đất.- HS: Bé cố gắng học thuộc bài.- HS: Trời hôm nay lạnh buốt.- HS: Mẹ đang luộc rau-HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tự nhiên và xã hội**

**Chủ đề 3: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

**Bài 13: An toàn trên đường (2 tiết)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

+Nêu được tên và ý nghĩa của một số biển báo giao thông và quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học:

+Nêu được tên và ý nghĩa của một số biển báo giao thông và quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

- Giao tiếp và hợp tác: Thực hiện được quy tắc an toàn giao thông theo đèn tín hiệu và biển bảo giao thông nhắc nhở các bạn cùng thực hiện.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực nhận thức khoa học:

+ Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường

 Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

 + Thực hành cách đi bộ qua đường đúng cách trên đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông và đoạn đường không có đèn tín hiệu,

+ Thực hiện quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.

Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:

+ HS biết cách xử lý phù hợp trong những tình huống cụ thể khi tham gia giao t

+ Nhận biết được những tình huống đúng sai ở các hình trong SGK.

**3. Phẩm chất :**

 - Chăm chỉ: Rèn luyện kĩ năng quan sát thực tế, kĩ năng tranh luận.

- Trách nhiệm: Biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV

+ Hình SGK phóng to; bộ đồ dùng An toàn giao thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Về ngã tư đường ở sân trường có vạch dành cho người đi bộ sang đường và tạo đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông.

- HS: Sưu tầm một số biển báo giao thông hoặc tranh ảnh về một số tình huống nguy hiểm xảy ra trên đường.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**GV sử dụng phần mở đầu trong SGK, đưa ra câu hỏi:- Trên đường đến trường em đã từng nhìn thấy những tình huống giao thông nguy hiểm thần,..) để nhằm kích thích sự hứng thú với tiết học mới.**2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới****2.1. Hoạt động khám phá:** **Hoạt động 1** - GV hướng dẫn HS quan sát các hình trong SGK, thảo luận nhóm theo câu hỏi gợi ý của GV:+Kể những từng tình huống trong từng hình? +Điều gì có thể xảy ra trong mỗi tình huống đó Hậu quả của mỗi tình huống...- Khuyến khích HS kể về các tình huống khác mà các em quan sát, chứng kiến và nếu nhận xét của mình về những tình huống đó. Về kết quả đạt; HS nhận biết được một số tình huống nguy hiểm khi tham gia vào thống và biết được hậu quả sẽ xảy ra khi vi phạm luật an toàn giao thông **Hoạt động 2 :**GV yêu cầu HS quan sát hình về biển báo và đèn tín hiệu trong SGK và trả lời câu hỏi của GV:+Đây là đèn tín hiệu gì? +Khi đèn xanh sáng, người và phương tiện được đi hay dùng lại? +Đèn đỏ sáng thì người và phương tiện dừng lại hay được đi? Đèn vàng bảo hiệu gì?), GV giới thiệu cho HS ghi nhớ các biển hiệu chủ yếu dành cho người đi bộ, Thông qua thảo luận chung cả lớp Yêu cầu cần đạt: HS nhận biết được ý nghĩa của tín hiệu đèn và một số biển báo giao thuồng. Đồng thời HS có ý thức tuân thủ biển báo và đèn tín hiệu khi tham gia giao thông**Hoạt động vận dụng :**GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK gợi ý để HS nhận biết một số tình huống giao thông nguy hiểm có thể xảy ra ở các vùng miền khác nhau trên đường đi học. Khuyến khích HS nói được cách xử lí của mình nếu gặp những tình huống đó. Yêu cầu cần đạt: HS biết cách xử lý phù hợp trong những tình huống cụ thể khi tham gia giao thông Nếu còn thời gian, GV có thể bổ sung thêm hoạt động cho HS qua trò chơi: "Biển báo nói gì? - Tổ chức chơi+ Chia lớp thành 2 đội, phát cho mỗi đội 1 bộ ba chữ+ GV dán hình đèn tín hiệu và biển báo giao thông lên bằng thành hai hàng, hai đội phải lên án chữ tương ứng với đèn tín hiệu của biển bảo đó (ví dụ: hình đèn đỏ, HS phải dán chữ dừng lại).+ Khi GV ra hiệu lệnh, lần lượt thành viên của từng đội lên đán. Đội dán đúng và nhanh là đội thắng cuộc Yêu cầu cần đạt: HS ghi nhớ được một số đèn tín hiệu và biển báo giao thông **3. Đánh giá:**HS tự giác thực hiện an toàn giao thông trên đường đi học và nhắc nhở mọi người cũng thực hiện. **4. Hướng dẫn về nhà:**Kể với bố mẹ, anh chị về đèn tín hiệu và biển báo giao thông đã học**\* Tổng kết tiết học:**- Nhắc lại nội dung bài học- Nhận xét tiết học- Hướng dẫn hs ĐỒ DÙNG DẠY HỌC bài sau | Em đã từng thấy hai xe máy tông nhauEm đã thừng thấy xe đạptông vào người đi bộ- HS quan sát và thảo luận nhóm- Nhận xét, bổ sung.Tranh 1: Hai bạn nhỏ đi qua đường khi xe buýt đang đến gần.Tranh 2: Hai bạn đi qua đường nhưng không đi đúng làng đường dành cho người đi bộ.Tranh 3: Hai bạn nghịch nước khi đang ngồi trên thuyền.Tranh 4: hai xe ô tô đi sát nhauTranh 1 hai bạn nhỏ có thể bị xe buýt đụngTranh 2: Hai bạn đó cũng rất dễ bị xe máy đụngTranh 3: Cúi người để nghịch nước sẽ làm cho thuyền nghiêng có thể bị té xuống nước .Tranh 4: hai xe đi sát vào nhau sẽ dẫn đến va chạm vào nhau gây thương tích - Thông qua quan sát và thảo luận nhóm. HS nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trên đường đi học và cách phòng tránh. HS kể- Thông qua quan sát và thảo luận nhóm. HS nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trên đường đi học và cách phòng tránh. - HS quan sát và trả lời câu hỏi- HS trình baỳĐèn tín hiệu giao thôngKhi đèn xanh người và phương tiện giao thông được điĐèn đỏ thì dừng lạiĐèn vàng thì đi chầm chậm- HS lắng nghe- HS nhận biết và ghi nhớ tín hiệu đèn và biển báo giao thông- HS quan sát và nếu cách xử lýKhi đi học chúng ta nên đi vào lề đường bên phải, không đi hàng hai,hàng ba rất nguy hiểm.- Khi qua đường chúng ta cần quan sát kĩ, cảm thấy an toàn rồi mới qua.- Các bạn cần cẩn cẩn thận khi qua các vũng nước sâu, chảy xiếc vì nó rất nguy hiểm- HS lắng nghe luật chơi-HS chơi- HS lắng ngheHS tham gia vào trò chơi- HS nêu- HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

*Thứ tư ngày 20 tháng 12 năm 2023*

**Tiếng Việt**

**Bài 68: uôn uông**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *uôn, uông;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *uôn, uông*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *uôn, uông* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *uôn, uông.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 Tự chủ và tự học : HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập.

 **b. Năng lực đặc thù :**

 Năng lực ngôn ngữ:

- Phát triển kĩ năng nói về các hiện tượng thời tiết quen thuộc như mưa, nắng.

 - Thông qua đoạn đọc, phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết về các hiện tượng thời tiết, đặc biệt là khi trời mưa với những kinh nghiệm dân gian của người Việt.

**3. Phẩm chất:**

 Nhân ái: HS biết đoàn kết, yêu thương bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm, cấu tạo, quy trình và cách viết các vần uôn, uông; hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách gìải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**- HS hát chơi trò chơi- GV cho HS viết bảng uôt, uôc**2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới****2.1. Nhận biết**- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi+ Em thấy gì trong tranh? - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. -GV cũng có thể đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu cầu HS đoc theo, GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Chuồn chuồn bay qua/ các luống rau.- GV gìới thiệu các vần mới uôn, uông. Viết tên bải lên bảng.**2.2. Đọc****a. Đọc vần****- So sánh các vần** + GV gìới thiệu vần uôn, uông.+ GV yêu cầu một số (2-3) HS so sánh các vần uôn, uông để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.**- Đánh vần các vần** + GV đánh vần mẫu các vần uôn, uông.+ GV yêu cầu một số (4-5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 2 vần.+ GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.**- Đọc trơn các vần**+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 2 vần.+ GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 2 vần một lần.**- Ghép chữ cái tạo vần**+ GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần uôn.+ GV yêu cầu HS tháo chữ n, ghép ng vào để tạo thành uông.- GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh uôn, uông một số lần.**b. Đọc tiếng****- Đọc tiếng mẫu** + GV gìới thiệu mô hình tiếng chuồn. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng chuồn.+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng chuồn . Lớp đánh vần đồng thanh tiếng chuồn.+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng chuồn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng chuồn.**- Đọc tiếng trong SHS** + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau . Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.+ Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.+ GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.- **Ghép chữ cái tạo tiếng** + HS tự tạo các tiếng có chứa vần uôn, uông.+ GV yêu cầu 1-2HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.+ GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.c**. Đọc từ ngữ**- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: cuộn chỉ, buồn chuối, quả chuông. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn cuộn chỉ, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ cuộn chỉ xuất hiện dưới tranh. - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần uôn trong cuộn chỉ, phân tích và đánh vần tiếng cuộn, đọc trơn từ ngữ cuộn chỉ.- GV thực hiện các bước tương tự đối với buồn chuối, quả chuông.- GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2-3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.**d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ** - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.**2.3. Viết bảng**- GV đưa mẫu chữ viết các vần uôn, uông.- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần uôn, uông.- GV yêu cầu HS viết vào bảng con: uôn, uông và cuộn, buồng. (chữ cỡ vừa). - HS nhận xét bài của bạn.- GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -Hs chơi-HS viết-HS : luống rau, chuồn chuồn-HS lắng nghe- HS đọc: Chuồn chuồn bay qua/ các luống rau. Theo GV- HS lắng nghe-HS lắng nghe và quan sát-HS so sánh: giống đều có uô dứng trước, khác các âm cuối n, ng-HS lắng nghe-HS đánh vần nối tiếp, mỗi e cả 2 vần, cả lớp đồng thanh.- Lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi em đọc cả 2 nần- Cả lớp đọc trơn đồng thanh -HS tìm ghép uôn-HS ghép tháo chữ n, ghép ng vào để tạo thành uông.-HS đọc-HS lắng nghe-HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.- HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.-HS đánh vần nối tiếp *( khuôn, muốn, muộn, nguồn, buồng, luống, thuổng, vuông*), lớp đánh vần- HS đọc đọc trơn nối tiếp ( 2 lượt )-Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.-HS tự tạo ghép: *tuôn, muộn, cuộn, xuống, huống, luống,…*-HS phân tích, nêu cách ghép- Lớp đọc trơn đồng thanh-HS lắng nghe, quan sát-HS nói: cuộn chỉ, phân tích, đánh vần tiếng *cuộ*n, đọc trơn từ *cuộn chỉ*-HS nhận biết-HS thực hiện như trên- HS đọc nối tiếp các từ ( *cuộn chỉ, buồng chuối, quả chuông),* cả lớp đồng thanh.- HS đọc các tiếng, các từ ngữ phần Đọc.-HS lắng nghe, quan sát-HS viết-HS nhận xét-HS lắng nghe |

**Tiết 2**

| **2.4. Viết vở**- GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ach, êch,ich ; từ cuộn chỉ, buồng chuối - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.**2.5. Đọc đoạn**- GV đọc mẫu cả đoạn.- GV yêu cầu HS đọc thẩm và tìm các tiếng có vần uôn, uông.- GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng .Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần uôn, uông trong đoạn văn một số lần.- GV yêu cầu HS xác định số cầu trong đoạn văn. - Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi thanh một lần. một cầu), khoảng 1-2 lần. - GV yêu cầu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:+ Những dấu hiệu nào báo hiệu trời sắp mưa?+ Từ ngữ nào miêu tả tiếng mưa rơi xuống rất mạnh?+ Cảnh vật sau cơn mưa được miêu tả như thế nào?**2.6. Nói theo tranh**- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng cầu hỏi và HS trả lời theo từng cầu: + Các em nhìn thấy những ai và những gì trong bức tranh? + Bức tranh thể hiện những hiện tượng thời tiết nào? + Em có thích những hiện tượng thời tiết đó không? Vì sao?**3. Củng cố**- GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần uôn, uông và đặt cầu với từ ngữ tìm được.- GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần uôn, uông và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe-HS viết vở- HS lắng nghe- HS lắng nghe- HS đọc thầm, tìm : *chuồn chuồn, cuốn, cuống*- HS đọc nối tiếp *chuồn chuồn, cuốn, cuống*- Cả lớp đồng thanh.- HS xác định: 7 câu - HS đọc nối tiếp câu ( 2 lượt), cả lớp đồng thanh - HS đọc nối tiếp cả đoạn ( 2 lượt )- HS : chuồn chuồn bay thấp, bầu trời đen kịt, gió thổi mạnh cuốn theo những đám lá khô.- HS : mưa ào ào- HS : mưa tạnh,, những hạt mưa long lanh đọng trên các cuống lá. Bầu trời trong xanh, không khí mát mẻ.- HS : trời mưa bạn nam cầm dù đi học, trời nắng hai bạn đội mũ đi học.- HS : mưa và nắng- HS : em thích mưa trời mát dễ chịu, em cũng thích trời nắng cây cối nở hoa rất đẹp.-HS tìm: *luống rau, hát tuồng, hình vuông, ..*- HS: Chú sẻ đang bắt sâu trên những luống rau.- HS: Bà đi xem hát tuồng.- HS: Bé vẽ hình vuông.- HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Toán**

**Bài 14: Khối lập phương, khối hộp chữ nhật (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

 - Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật qua các vật thật và đồ dùng học tập.

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết hoàn thành bài tập sau bài học.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau nhận biết được khối lập phương, hình hộp chữ nhật qua các vật thật và đồ dùng học tập.

 - Năng lực giao tiếp : Giao tiếp, diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài toán,…

**b. Năng lực đặc thù:**

 - Năng lực tư duy và lập luận:

Bước đầu phát triển trí tưởng tượng không gian, liên hệ với thực tế, có hứng thú học tập qua việc thực hành đếm hình, xếp, ghép khối lập phương khối hợp chữ nhật.

**3. Phẩm chất :**

Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Mô hình khối lập phương, khối hộp chữ nhật (bằng bìa, nhựa,…).

- Sưu tầm những đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

- Các khối lập phương nhỏ để xếp, ghép hình.

- Bộ đồ dùng học Toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**- Ổn định tổ chức- Giới thiệu bài **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới****2.1. Khám phá****-**Thông qua đồ vật thật (hộp quà, xúc xắc) và hình vẽ (SGK), GV cho HS quan sát, giới thiệu biểu tưởng khối lập phương (có mô hình minh họa, nhận dạng tổng thể).14-Thông qua đồ vật thật (bể cá, loa thùng) và hình vẽ (SGK), GV cho HS quan sát giới thiệu biểu tưởng khối hộp chữ nhật (có mô hình minh họa, nhận dạng tổng thể).**2.2. Hoạt động****Bài 1: Những hình nào là khối lập phương?****-** Yêu cầu HS quan sát các hình khối, từ đó nhận ra được hình là khối lập phương, rồi nêu tên chữ ở dưới mỗi hình thích hợp đó.14- GV mời HS nêu trước lớp - GV cùng HS nhận xét**Bài 2: Những hình nào là khối hộp chữ nhật?** **-**Yêu cầu HS quan sát các hình khối, từ đó nhận ra được hình nào là khối hộp chữ nhật, rồi nêu tên chữ ở dưới mỗi hình thích hợp đó.14- GV mời HS nêu trước lớp - GV cùng HS nhận xét**Bài 3:** **-** GV nêu yêu cầu bài tập14a**) -** HD HS làm BT- GV mời HS nêu trước lớp - GV cùng HS nhận xétb) Mỗi em có thể nêu tên đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật mà các em biết trong thực tế quanh ta - GV cùng HS nhận xét**3.Củng cố, dặn dò**- Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?- Về nhà quan sát và nhận biết các đồ vật dạng hình khối lập phương và khối hộp chữ nhật. | - Hát- Lắng nghe- HS quan sát , lắng nghe- Thực hiện nhận dạng khối lập phương: a) Các hình Khối lập phương.- HS quan sát, nhận dạng khối hộp chữ nhật và nêu: b) Các hình Khối hộp chữ nhật- HS nhận xét bạn- HS quan sát, nêu kết quả: Hình A, C- HS nhận xét bạn-HS quan sát Nêu kết quả: Hình A, B- HS nhận xét bạn- Lắng nghe, quan sát- Theo dõi- Nêu kết quả: Khúc gỗ, rubik nối váo khối lập phương; hộp bút, hộp bánh nối vào khối hộp chữ nhật.- Nhận xét- HS nêu các đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật trong thực tế: hộp mì tôm, hộp nước ngọt, hộp bút, …- Nhận xét- Biết về khối lập phương, khối hộp chữ nhật.- Theo dõi, lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |



*Thứ năm ngày 21 tháng 12 năm 2023*

**Bài 14: GIỮ VỆ SINH TRƯỜNG, LỚP**

**Thời lượng: 1 tiết**

1. **MỤC TIÊU**

***1. Phẩm chất chủ yếu***

- Trách nhiệm: Có ý thức tự giác thực hiện giữ vệ sinh trường, lớp

1. ***Năng lực chung***

-Tự chủ và tự học: Thực hiện giữ vệ sinh trường, lớp

***3.Năng lực đặc thù***

***Năng lực điều chỉnh hành vi***

 - NL nhận thức chuẩn mực hành vi: Biết được ý nghĩa của việc giữ vệ sinh trường, lớp; những việc cần làm để giữ vệ sinh trường, lớp.

 - NL đánh giá hành vi của bản thân và người khác: HS tự đánh giá được việc thực hiện nội quy của bản thân. Nhắc nhở bạn bè thực hiện giữ vệ sinh trường, lớp.

 ***-*** NL điều chỉnh hành vi: Thực hiện giữ vệ sinh trường, lớp

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

* SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1
* Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười - mặt mếu, âm nhạc (bài hát “Không xà rác” -sáng tác: Đông Phương Tường),... gắn với bài học “Giữ vệ sinh trường, lớp”;
1. **CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| --- | --- |
| 1. **Khởi động**

Tổ chức hoạt động tập thể - hát bài "Không xả rác"* GV tổ chức cho HS hát bài “Không xả rác”.
* *GV hỏi: Bài hát nói về điều gì? (Bài hát nói về việc không xả rác bừa bài đề giữ vệ sinhmôi trường)*

*Kết luận:* Các em đang học dưới mái trường xanh, sạch, đẹp,... Để có môi trường đó,chúng ta đã cùng nhau gìn giữ vệ sinh môi trường như bỏ rác vào thùng; quét dọntrường, lớp; lau bàn ghế,...1. **Khám phá**

***Hoạt động 1*** Khám phá những việc cần làm để giữ vệ sinh trường; lớp* GV hướng dẫn HS quan sát bức tranh trong mục Khám phá (SGK) và trả lời câu hỏi:Em cần làm gì để giữ vệ sinh trường, lớp?
* HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi.
* HS khác nhận xét, bổ sung.
* GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi những em có câu trả lời đúng.

*Kết luận:* Những việc em cần làm để giữ vệ sinh trường, lớp là: quét dọn trường, lớp;bỏ rác vào thùng; lau bảng, bàn ghế, cửa sổ; nhổ cỏ,...***Hoạt động 2 Tìm hiểu vì sao phải giữ vệ sinh trường, lớp**** GV treo/chiếu tranh trong mục Khám phá lên bảng để HS quan sát (hoặc HS quansát tranh trong SGK).
* GV đặt câu hỏi: Vì sao chúng ta phải giữ vệ sinh trường, lớp?
* HS quan sát, lắng nghe, thảo luận cặp đôi, trả lời từng câu hỏi.
* Các HS khác nhận xét, bổ sung.
* GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi những em có câu trả lời tốt.

*Kết luận:* Giữ vệ sinh trường, lớp là nhiệm vụ của mỗi HS. Giữ vệ sinh trường, lớp giúpem có môi trường học tập xanh sạch đẹp, thoáng mát. Các em sẽ khoẻ mạnh hơn trongmôi trường sạch đẹp đó.1. **Luyện tập**

***Hoạt động 1*** Em chọn việc làm đúng* GV treo/chiếu tranh lên bảng (hoặc HS quan sát tranh trong SGK), giao nhiệm vụcho các nhóm: Hãy quan sát 5 bức tranh trong mục Luyện tập và thảo luận: Em đồngtình hoặc không đổng tình với việc làm của bạn nào? Vì sao?
* HS thảo luận, cử đại diện nhóm lên bảng, dán sticker mặt cười vào việc nến làm,sticker mặt mếu vào việc không nên làm. HS cũng có thể dùng thẻ học tập hoặcdùng bút chì đánh dấu vào tranh.
* GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi nhóm có câu trả lời đúng.

*Kết luận:** Việc em nên làm là: Quét dọn trường, lớp (tranh 1); Nhặt rác bỏ vào thùng (tranh 4);Xả nước sau khi đi vệ sinh (tranh 5).
* Việc em không nên làm là: Vứt rác bừa bãi ra lớp học (tranh 2); Vẩy mực lên tườnglớp học (tranh 3).

***Hoạt động 2* Chia sẻ cùng bạn*** GV nếu yêu cầu: Hãy chia sẻ với bạn cách em đã làm để giữ vệ sinh trường, lớp luônsạch sẽ.
* GV tuỳ thuộc vào thời gian của tiết học có thể mời một số em chia sẻ trước lớp hoặccác em chia sẻ theo nhóm đôi.
* HS chia sẻ qua thực tế của bản thân.
* GV nhận xét và khen ngợi các bạn đã biết giữ vệ sinh trường, lớp.

*Kết luận:* Để có môi trường học tập sạch sẽ, trong lành em cần thực hiện nội quy giữ gìn vệ sinh trường, lớp bằng cách tích cực tham gia lao động dọn vệ sinh trường lớp,bỏ rác đúng nơi quy định, trồng và chăm sóc cây xanh,...1. **Vận dụng**

***Hoạt động 1 Đưa ra lời khuyên cho bạn***- GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: Quan sát tranh, thảo luận và đưa ralời khuyên để giúp bạn sửa sai.*Tình huống 1: Một bạn nhỏ ném vỏ hộp sữa xuống sân trường.**Tình huống 2: Trong nhà vệ sinh, bạn nhỏ gạt cần nước trên bồn cầu: “Mất nước rồi, thôikệ!”- Cạnh đó là thủng nước to, có ca múc nước.** GV cho HS các nhóm trình bày các lời khuyên, phân tích để lựa chọn lời khuyêntốt nhất.
* GV tuỳ điều kiện cụ thể (năng lực HS và thời gian bài học), có thể tổ chức cho HSxử lí một hoặc cả hai tình huống. Cũng có thể chia lớp thành hai nhóm lớn, mỗinhóm xử lí một tình huống.

*Kết luận:* Em cần biết giữ vệ sinh trường, lớp ở những tình huống khác nhau trongcuộc sống.***Hoạt động 2 Em và các bạn nhắc nhau cùng giữ vệ sinh trường,lớp***Tuỳ năng lực HS và thời gian của bài học, HS có thể đóng vai một trong những tìnhhuống không nên làm ở hoạt động 1 phần Luyện tập với cách xử lí khuyên bạn khôngnên có hành động đó. Hoặc HS cũng có thể xây dựng một tình huống ngay trong lớphọc “Cùng nhắc nhau bỏ rác vào thùng nếu thấy lớp có rác”.*Kết luận:* Các em cần nhắc nhau luôn giữ vệ sinh trường, lớp.*Thông điệp:*GV chiếu/viết thông điệp lên bảng (HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vàoSGK), đọc. | -HS hát-HS trả lời- HS quan sát tranh - HS trả lời- HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.  -HS lắng nghe    - Học sinh trả lời   - HS tự liên hệ bản thân kể ra.   HS lắng nghe.* HS quan sát

-HS chọn-HS lắng nghe-HS chia sẻ-HS nêu-HS lắng nghe-HS thảo luận và nêu-HS lắng nghe-HS lắng nghe* HS nêu
 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |



**Tiếng Việt**

**Bài 69: ươi ươu**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

 - HS nhận biết và đọc đúng các vần *ươi, ươu;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *ươi, ươu*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

 - HS viết đúng các vần *ươi, ươu* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *ươi, ươu.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 Tự chủ và tư học : HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân.

**b. Năng lực đặc thù :**

 Năng lực ngôn ngữ:

 - Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Lợi ích của vật nuôi.

**3. Phẩm chất:**

Nhân ái : HS biết yêu thương bạn bè và thầy cô.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và

cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Màn hình , máy tính

-SGK, bảng con, vở

 **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**- HS hát chơi trò chơi- GV cho HS viết bảng uôn, uông**2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới****2.1. Nhận biết**- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi + Em thấy gì trong tranh? - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Chim khướu biết bắt chước/ tiếng người.- GV gìới thiệu các vần mới ươi, ươu. Viết tên bài lên bảng.**2.2. Đọc****a. Đọc vần**+ GV yêu cầu một số (2-3) HS so sánh các vần ươi, ươu để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.**- Đánh vần các vần** + GV đánh vần mẫu các vần ươi, ươu.+ GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần. Một số (4 -5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 2 vần.**- Đọc trơn các vần**+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 2 vần.+ GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 2 vần một lần.- Ghép chữ cái tạo vần + GV yêu cầu tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ươi.+ HS tháo chữ i, ghép u vào để tạo thành ươu.- GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh ươi, ươu một số lần.**b. Đọc tiếng**-Đọc tiếng mẫu + GV gìới thiệu mô hình tiếng người. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng người.+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng người. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng người.+ GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng người. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng .**- Đọc tiếng trong SHS** + Đánh vần tiếng. - GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nổi tiếp nhau . Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.+ Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.+ GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.- Ghép chữ cái tạo tiếng + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa vần ươi, ươu.+ GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1- 2 HS nêu lại cách ghép.+ GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.**c. Đọc từ ngữ**- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: tươi cười, quả bưởi, ốc bươu. - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn tươi cười, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ tươi cười xuất hiện dưới tranh. - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần ươi trong tươi cười, phân tích và đánh vần từ tươi cười, đọc trơn từ ngữ tươi cười. - GV thực hiện các bước tương tự đối với quả bưởi, ốc bươu.- GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2-3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.**d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ** - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.**4. Viết bảng**- GV đưa mẫu chữ viết các vần ươi, ươu. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần ươi, ươu.- GV yêu cầu HS viết vào bảng con: ươi, ươu , cười, bươu. (chữ cỡ vừa). - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn,- GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -HS chơi-HS viết-HS : chim hót-HS : Chim khướu biết bắt chước/ tiếng người. theo giáo viên- HS đọc- HS lắng nghe-HS : so sánh điểm giống nhau là ươ đứng trước, khác là các âm cuối i, u-HS lắng nghe-HS đánh vần nối tiếp 2 vần một lần .Lớp đánh vần đồng thanh một lần.- HS đọc trơn nối tiếp cả 2 vần. ( 3 lượt )- Cả lớp đọc trơn đồng thanh -HS tìm ghép ươi-HS ghép tháo chữ i, ghép u vào để tạo thành ươu-HS đọc-HS lắng nghe-HS thực hiện-HS đánh vần tiếng *người*. Lớp đánh vần đồng thanh.- HS đọc trơn *người*. Lớp đọc trơn đồng thanh.-HS đánh vần nối tiếp *( bưởi, cười, lưới, mười, bướu, hươu, khướu, rượu*), lớp đánh vần- HS đọc trơn tiếng nối tiếp*( bưởi, cười, lưới, mười, bướu, hươu, khướu, rượu*- HS đọc tất cả  *bưởi, cười, lưới, mười ( 2 lượt*-HS đọc tất cả *bướu, hươu, khướu, rượu( 2 lượt).*- Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.-HS tự tạo ghép: *tưới, cưới, bươu, …*-HS phân tích- Lớp đọc trơn đồng thanh-HS lắng nghe, quan sát-HS nói: tươi cười, phân tích đánh vần , đọc trơn *tươi cười*.-HS nhận biết-HS thực hiện tuong tự - HS đọc nối tiếp các từ dưới tranh, 3 HS đọc tất cả các từ, cả lớp đồng thanh- HS đọc các tiếng, các từ ngữ theo dãy, cả lớp.-HS quan sát-HS viết bảng con-HS nhận xét-HS lắng nghe |
| **2.4. Viết vở**- GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ươi, ươu; từ ngữ tươi cười, ốc bươu.- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.**2.5. Đọc đoạn**- GV đọc mẫu cả đoạn.- GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần ươi, ươu.- GV yêu cầu một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗ HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ươi, ươu trong đoạn văn một số lần.- GV yêu cầu HS xác định số cầu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một cầu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.- GV yêu cầu một số (2-3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.- GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:+ Lạc đà có bộ phận gì đặc biệt? Bộ phận đó nằm ở đầu?+ Vì sao lạc đà có thể sống nhiều ngày mà không cần ăn uống:+ Lạc đà có lợi ích gì đối với con người?**2.6. Nói theo tranh**- GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS- GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:+ Các em nhìn thấy những con vật nào trong tranh? + Em có biết từng con vật trong tranh có những lợi ích gì không?- GV cần giúp HS hiểu đưoc lợi ích của một số vật nuôi, sự gắn gũi của vật nuôi với con người. Vì vậy chúng ta cần biết yêu thương vật nuôi, **3. Củng cố** - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.- HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ươi, ươu và đặt câu với từ ngữ tìm được.- GV lưu ý HS ôn lại các vần ươi, ươu và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS viết vở- HS lắng nghe- HS lắng nghe- HS đọc thầm, tìm : *bướu, người*- HS đọc nối tiếp cả 2 tiếng- Cả lớp đồng thanh- HS xác định: 5 câu- HS đọc nối tiếp câu, cả lớp đồng thanh.- HS đọc nối tiếp đoạn ( 3 em)- HS : cái bướu, cái bướu to nằm trên lưng.- HS : bướu lạc đà là nơi dự trữ chất béo- HS : giúp con người băng qua những vùn sa mạc khô cằn- HS quan sát .- HS : bò, cừu, vịt- HS : bò cho sữa, vịt cho trứng, cừu cho lông-HS lắng nghe- HS lắng nghe-HS tìm: giăng lưới, tưới rau, hươu sao,…- HS: Bố đi giăng lưới bắt cá.- HS: Mẹ đang tưới rau.- HS: các chú hươu sao rất hiền.-HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Toán\***

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các kiến thức.**

 **-** Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật qua các vật thật và đồ dùng học tập.

**2. Phát triển năng lực**

 **-**  Bước đầu phát triển trí tưởng tượng không gian, có hứng thú học tập qua việc thực hành đếm hình, xếp, ghép khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Các khối lập phương nhỏ để xếp, ghép hình.

- **GV:** vở BT Toán, tranh ảnh minh hoạ,

**- HS:** vở BT Toán, bộ thực hành Toán, bút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:** - GV tổ chức trò chơi “*Kiến trúc sư tương lai”,* lớp chia 4 đội. Trong thời gian 2 phút, đội nào xếp nhanh và đúng hình như hình mẫu (hình mẫu là hình ở bài 1) thì giành chiến thắng.- GV nhận xét, tuyên dương, tuyên bố đội thắng cuộc.- Giới thiệu vào bài**2. Luyện tập****\* Bài 1:**  - GV nêu yêu cầu của bài.- Gv yêu cầu hs làm cá nhân vào VBT*+ Có bao nhiêu khối lập phương?**+ Có bao nhiêu khối hộp chữ nhật màu đỏ?*- GV cùng HS nhận xét**\* Bài 2:** **-** GV nêu yêu cầu của bài.-Cho HS quan sát hình chữ T, H, C trên bảng.- Yêu cầu HS đếm khối lập phương mỗi hình và ghi số bằng bút chì tương ứng dưới mỗi hình- GV hỏi:*+ Chữ nào được xếp bởi nhiều khối lập phương nhất* *+ Chữ nào được xếp bởi số khối lập phương bằng nhau*- GV cùng HS nhận xét***GIẢI LAO*** **\*Bài 3:** **-** GV nêu yêu cầu của bài. -GV cho HS lấy các khối lập phương trong bộ đồ dùng *(nếu có), (nếu không có thì Gv chuẩn bị)* - Gv yêu cầu hs quan sát hình trong VBT và thảo luận nhóm 4- Cho HS quan sát 3 hình khối trong VBT. Yêu cầu HS nhận ra hình nào là khối lập phương , hình nào là khối hộp chữ nhật- GV cùng HS nhận xét**\*Bài 4: Số?** **-** GV nêu yêu cầu của bài.- Yêu cầu HS tô màu theo yêu cầu tranh câu a và quan sát cho biết khối lập phương ở dấu ? tô màu gì - Câu b: Y/c hs quan sát tranh để nhận ra các khối được xếp theo quy luật. - GV cho HS dùng thẻ đưa đáp án đúng.- GV hỏi HS về quy luật của từng tranh- GV nhận xét, tuyên dương**3.Củng cố, dặn dò***- Bài học hôm nay, em đã dùng những hình khối nào để ghép hình?*- Dặn HS về dùng khối lập phương và khối chữ nhật để ghép các hình theo sáng tạo của mình- Dặn các em bài giờ sau.- Nhận xét, kết thúc tiết học. | - Tham gia chơi- Lắng nghe-HS đọc yêu cầu bài tập 1- HS quan sát tranh và làm bài vào vở bài tập - 9- 6-HS đổi chéo vở chấm bài của nhau-HS nghe yêu cầu- HS làm bài vào sách.-Chữ H- Chữ T và C- HS nhận xét-HS nêu yêu cầu-HS thực hành ghép theo nhóm 4* Đại diện nhóm trả lời các câu hỏi trong mục b
* Nhóm khác nhận xét

-HS nêu yêu cầu-HS quan sát-HS đưa thẻ a, b, c tương ứng-HS trả lời- Hs dùng thẻ để nêu đáp án- Khối lập phương, khối hộp chữ nhật.-HS lắng nghe  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Luyện viết: Tập viết uôi, uôm, uôc, uôt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

**Giúp HS:**

- Củng cố các vần **uôi, uôm, uôc, uôt**

- Viết đúng các tiếng từ ngữ có vần **uôi, uôm, uôc, uôt**

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần **uôi, uôm, uôc, uôt**

có trong bài học.

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần **uôi, uôm, uôc, uôt**

**iêp**

- Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết các vần

**3. Phẩm chất:**

- Hs có ý thức viết cẩn thận

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở luyện tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:****1.1 Khởi động****2. Hoạt động Luyện tập thực hành:****2.1. Đọc HS luyện đọc vần****a. Đọc vần**- GV yêu cầu một số HS đọc vần **uôi, uôm, uôc, uôt**sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.**b. Đọc tiếng**- GV yêu cầu một sốHS đánh vần tiếng mẫu ra, sẻ. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu. -GV yêu cầu một số HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. - Đọc tiếng trong SHS + Đọc tiếng chứa vần **uôi, uôm, uôc, uôt**•GV đưa các tiếng chứa vần **uôi, uôm, uôc, uôt**yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa vần **uôi, uôm, uôc, uôt**• Đánh vần tiếng: • Đọc trơn tiếng: - Đọc tiếng chứa vần**uôi, uôm, uôc, uôt**c**. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**- Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. **e. Đọc câu**- HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có vần **uôi, uôm, uôc, uôt****2.2. Viết vở**- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.- GV nhận xét và sửa bài của một số HS**3. Củng cố** - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi vần - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và | -Hs lắng nghe -Hs quan sát-Hs lắng nghe-Một số HS đọc vần **uôi, uôm, uôc, uôt****-** Sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.-HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. -HS tìm: - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có vần **uôi, uôm, uôc, uôt**đang học.-HS đọc trơn các tiếng chứa vần **uôi, uôm, uôc, uôt**-HS đọc trơn các tiếng chứa vần đang học-HS đọc tất cả các tiếng chứa vần **uôi, uôm, uôc, uôt**-cá nhân, cả lớp - HS: nối tiếp đọc các từ dưới tranh- Lớp đọc đồng thanh một số lần,-HS viết vở luyện-HS nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Luyện viết: Tập viết uôn, uông, ươi, ươu,**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

**Giúp HS:**

- Củng cố các vần **uôn, uông, ươi, ươu,**

- Viết đúng các tiếng từ ngữ có vần**uôn, uông, ươi, ươu,**

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần **uôn, uông, ươi, ươu,**

có trong bài học.

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần **uôn, uông, ươi, ươu,**

- Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết các vần

**3. Phẩm chất:**

- Hs có ý thức viết cẩn thận

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở luyện tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:****1.1 Khởi động****2. Hoạt động Luyện tập thực hành:****2.1. Đọc HS luyện đọc vần****a. Đọc vần**- GV yêu cầu một số HS đọc **uôn, uông, ươi, ươu,** sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.**b. Đọc tiếng**- GV yêu cầu một sốHS đánh vần tiếng mẫu ra, sẻ. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu. -GV yêu cầu một số HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. - Đọc tiếng trong SHS • Đánh vần tiếng: • Đọc trơn tiếng: - Đọc tiếng chứa vần**uôn, uông, ươi, ươu,** -GV đưa các tiếng chứa vần **uôn, uông, ươi, ươu,** yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm tđứng sau **)**• Đánh vần tiếng: • Đọc trơn tiếng: - GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.c**. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**- Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. **e. Đọc câu**- HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có vần **uôn, uông, ươi, ươu,** **2.2. Viết vở**- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.- GV nhận xét và sửa bài của một số HS**3. Củng cố** - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi vần **uôn, uông, ươi, ươu,** - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và | -Hs lắng nghe -Hs quan sát-Hs lắng nghe-Một số HS đọc vần **uôn, uông, ươi, ươu,** **-** Sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.-HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. -HS tìm: - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng vần **uôn, uông, ươi, ươu,** đang học.-HS đọc trơn các tiếng chứa vần **uôn, uông, ươi, ươu,** -HS đọc tất cả các tiếng chứa vần **uôn, uông, ươi, ươu,** cá nhân, cả lớp - HS: nối tiếp đọc các từ dưới tranh- Lớp đọc đồng thanh một số lần,-HS viết vở luyện-HS nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tự nhiên và xã hội**

**Bài 13: An toàn trên đường (2 tiết)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

+Nêu được tên và ý nghĩa của một số biển báo giao thông và quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học:

+Nêu được tên và ý nghĩa của một số biển báo giao thông và quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

- Giao tiếp và hợp tác: Thực hiện được quy tắc an toàn giao thông theo đèn tín hiệu và biển bảo giao thông nhắc nhở các bạn cùng thực hiện.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực nhận thức khoa học:

+ Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường

 Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

 + Thực hành cách đi bộ qua đường đúng cách trên đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông và đoạn đường không có đèn tín hiệu,

+ Thực hiện quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.

Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:

+ HS biết cách xử lý phù hợp trong những tình huống cụ thể khi tham gia giao t

+ Nhận biết được những tình huống đúng sai ở các hình trong SGK.

**3. Phẩm chất :**

 - Chăm chỉ: Rèn luyện kĩ năng quan sát thực tế, kĩ năng tranh luận.

- Trách nhiệm: Biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV

+ Hình SGK phóng to; bộ đồ dùng An toàn giao thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Về ngã tư đường ở sân trường có vạch dành cho người đi bộ sang đường và tạo đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông.

- HS: Sưu tầm một số biển báo giao thông hoặc tranh ảnh về một số tình huống nguy hiểm xảy ra trên đường.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 2**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**GV chiếu một số biển bảo và đèn tín hiệu giao thông đã học ở tiết trước để HS trả lời và ôn lại kiến thức đó**2. Hoạt động Luyện tập, thực hành**- GV cho HS thực hành đi bộ trên hình (nên tổ chức ở sân trường): GV tạo đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông, đoạn đường không có đèn tín hiệu - HS thực hành đi bộ khi gặp các biển báo giao thông (tương tự như đèn tín hiệu giao thông, Yêu cầu cần đạt: Thực hiện được quy tắc an toàn giao thông theo đèn tín hiệu và biển bảo giao thông nhắc nhở các bạn cùng thực hiện. **3. Hoạt động Vận dụng**- Hướng dẫn HS quan sát các hình ở SGK, thảo luận và nhận biết ai đi đúng, ai đi sai trong các tình huống tham gia giao thông, từ đó đưa ra cách xử lí trong những tình huống sai.- Ngoài những tình huống trong SGK. HS có thể nêu một số tình huống khác mà các em nhận biết được thông qua quan sát, nếu được quy tắc an toàn trên đường đi học để bảo đảm an toàn cho bản thân và các bạn. Yêu cầu cần đạt: Nhận biết được những tình huống đúng sai ở các hình trong SGK. **3. Đánh giá:** - HS tự giác thực hiện quy tắc an toàn giao thông và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện. - Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất: GV cho HS thảo luận về nội dung, hình tổng kết cuối bài theo gợi ý:+Mẹ nhắc nhở Hoa như thế nào? +Hoa cỏ làm theo lời mẹ không? +Việc Hoa đội mũ bảo hiểm và cài dây an toàn có ý nghĩa gì...). GV có thể đưa ra một số tình huống cụ thể (Trên đường đi học Có người lạ rủ đi, tham gia giao thông ở đoạn đường không có đèn tín hiệu, khi đi học gặp biến bảo sạt lở đất đá hay mưa lũ, ) để HS xử lý, góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn để và sáng tạo ở HS. -Trên cơ sở những tình huống đó, GV chốt lại kiến thức bài học như lời của Mặt Trời. **4. Hướng dẫn về nhà:**- HS nhắc nhở người thân trong gia đình thực hiện đúng Luật An ninh- HS sưu tầm tranh ảnh về cảnh quan, công việc, giao thông, lễ hội qua sách báo hoặc Internet**\* Tổng kết tiết học:**- Nhắc lại nội dung bài học- Nhận xét tiết học- Hướng dẫn hs ĐỒ DÙNG DẠY HỌC bài sau | - HS trả lời- HS quan sát và thực hành- HS quan sát và thực hành- HS thảo luận nhóm- Đại diện nhóm trình bày-Nhóm khác theo dõi, bổ sung- HS lắng ngheTranh 1: Xe ô tô đi không đúng làn đường quy định.Tranh 2: hai bạn nhỏ đi sai đườngTranh 3: Không nên thò đầu và tay ra ngoài khi xe đang chạy nguy hiểm lắm.- HS tự giác thực hiện quy tắc an toàn giao thông và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện. - HS theo dõi- 2,3 HS trả lời- Con nhớ cài mũ cẩn thận nhé !- Có , Hoa có làm theo lời mẹ dặnSẽ đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.- HS lắng nghe- HS giải quyết tình huống- HS lắng nghe- HS sưu tầm- HS nhắc lại- HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

*Thứ sáu ngày 22 tháng 12 năm 2023*

**Toán**

**Bài 14: Khối lập phương, khối hộp chữ nhật**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

 - Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật qua các vật thật và đồ dùng học tập.

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết hoàn thành bài tập sau bài học.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau nhận biết được khối lập phương, hình hộp chữ nhật qua các vật thật và đồ dùng học tập.

 - Năng lực giao tiếp : Giao tiếp, diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài toán,…

**b. Năng lực đặc thù:**

 - Năng lực tư duy và lập luận:

Bước đầu phát triển trí tưởng tượng không gian, liên hệ với thực tế, có hứng thú học tập qua việc thực hành đếm hình, xếp, ghép khối lập phương khối hợp chữ nhật.

**3. Phẩm chất :**

Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Mô hình khối lập phương, khối hộp chữ nhật (bằng bìa, nhựa,…).

- Sưu tầm những đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

- Các khối lập phương nhỏ để xếp, ghép hình.

- Bộ đồ dùng học Toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 2**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**- Ổn định tổ chức- Giới thiệu bài **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới** **Luyện tập****Bài 1:** - GV nêu yêu cầu của bài.- Hướng dẫn HS HS thực hiện: GV có thể phóng to hình vẽ trong SGK hoặc chiếu lên bảng để HS quan sát, rồi tự trả lời các câu hỏi của bài toán.14- HS quan sát, từ đó nhận biết qua hai dấu hiệu (khối gỗ dạng khối hộp chữ nhật và có màu đỏ), rồi đếm số khối hộp chữ nhật màu đỏ có trong hình vẽ.- GV cùng HS nhận xét**Bài 2:** **-** GV nêu yêu cầu của bài, HD HS làm bài14 Yêu cầu HS quan sát, đếm số lượng khối lập phương ở mỗi chữ, rồi so sánh và trả lời các câu hỏi. a/ Chữ nào được xếp bởi nhiều khối lập phương nhất b/Chữ nào được xếp bởi số khối lập phương bằng nhau - GV mời HS trình bày- GV cùng HS nhận xét**Bài 3 :** **-** GV nêu yêu cầu của bài.- Các khối lập phương xếp thành các hình: A, B, C. Yêu cầu HS nhận ra hình nào là khối lập phương trong ba hình đó rồi trả lời. - GV mời HS trình bày- GV cùng HS nhận xét**Bài 4 :** **-** GV nêu yêu cầu của bài.- Yêu cầu HS quan sát để nhận ra quy luật. Xếp lần lượt các hình theo từng nhóm (khối hộp chữ nhật, khối lập phương) rồi tìm ra hình thích hợp đặt vào dấu “?”.14- HS quan sát thấy các khối lập phương được xếp theo quy luật từng nhóm gồm ba màu (đỏ, vàng, xanh,…). Từ đó tìm ra hình thích hợp đặt vào dấu “?”.- GV mời HS trình bày- GV cùng HS nhận xét**3.Củng cố, dặn dò**- Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Hát- Lắng nghe-HS theo dõi- HS quan sát, từ đó nhận biết rồi đếm số khối lập phương, khối hộp chữ nhật có trong hình vẽ.- HS trả lời: a) 5 khối lập phương b) 2 khối hộp chữ nhật-Nhận xét-HS theo dõi- HS quan sát, đếm số lượng khối lập phương ở mỗi chữ, rồi so sánh và trả lời:a) Chữ Hb) Chữ T, C- HS trình bày- HS nhận xét bạn- HS theo dõi- HS nhận ra hình nào là khối lập phương trong ba hình đó rồi trả lời.-HS trình bày: Hình C-HS nhận xét- HS nêu yêu cầu- Lắng nghe- Quan sát, nhận dạng và nêu kết quả: a) Bb) A- Nhận xét- Nhận biết được các khối lập phương, khối hộp chữ nhật. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt \***

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

 Giúp học sinh củng cố hình thành:

**1. Phát triển các kiến thức:**

- Tìm được được các tiếng có chứa vần ***uôc, uôt***. Nhìn vào tranh có thể nối được các hình với từ ngữ. Đọc được các vần đã học áp dụng vần vào làm bài tập có liên quan.

**2. Phát triển các năng lực, phẩm chất:**

**+ Năng lực:**

- HS quan sát, chú ý lắng nghe, mạnh dạn tự tin chía sẻ kết quả học tập trước lớp

- HS tự giác hoàn thành và giải quyết được bài tập có vần uôc, uôt

**+ Phẩm chất:**

**-** Rèn cho học sinh tính chăm chỉ, cẩn thận, đoàn kết giúp đỡ bạn trong khi bạn gặp khó khăn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

GV: Vở bài tập Tiếng Việt, bảng con

HS: Vở bài Tiếng Việt, bút, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| 1. **Khởi động:**

 - GV cho HS tìm tiếng có chứa vần uôc, uôt- GV dẫn dắt vào bài**2. Luyện tập:**Bài 1: Nối - GV nêu cầu bài - GV hướng dẫn cách làm và cho hs nêu lại - GV cho HS làm bài vào Vở bài tập- GV xuống bao quát giúp đỡ HS gặp khó khăn- GV chữa bài, khen ngợi, tuyên dương trước lớp.Bài 2: Điền ***uôc***hoặc ***uốt***- GV nêu yêu cầu- GV hướng dẫn cách làm - GV cho HS làm bài vào vở bài tập - GV xuống bao quan sát, giúp đỡ- GV chữa bài nhận xét, tuyên dươngBài 3: Viết hai tiếng có vần dưới đây- GV nêu yêu cầu- GV để học nêu cách làm- Gv cho HS làm bài vào bảng con- GV xuống bao quát giúp đỡ - GV nhận xét bài học sinh. Tuyên dương, khen ngợi**3. Hoạt động trải nghiệm:**- CTHĐTQ cho các bạn thi tìm tiếng có chứa các vần đã học- GV nhận xét giờ học |  - HS tìm và nêu trước lớp- HS nhắc lại yêu cầu - HS chú ý lắng nghe và nêu lại Nối tranh với từ ứng với tranh.- HS làm bài vào vở- HS đổi bài để chia sẻ giúp nhau- HS chia sẻ bài trước lớp - Các bạn chia sẻ ý kiến- HS nêu lại yêu cầu nối tiếp - HS nêu lại cách làm: dùng bút chì điền vần uôc, uôt vào chỗ chấm để thành từ đúng với tranh - HS làm bài vào vở bài tập- HS trao đổi vở chia sẻ trước lớp- HS nêu lại yêu cầu nối tiếp- HS nêu - HS tự tìm tiếng có chứa vần uôc hoặc uôt- Hs đổi bảng chia sẻ kết quả cho nhau- HS tự tìm và nêu- HS cả lớp thi |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 70: Ôn tập kể chuyện**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

+ HS nắm đọc chính xác các vần *uôi, uôm, uôc, uôt, uôn, uông, ươi, ươu,* vàcác tiếng, từ ngữ, câu có các vần ôn tập.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 Tự chủ: Thông qua câu chuyện kể giúp học sinh trân trọng trong cuộc sống tự do, tự chủ và yêu quý những gì do chính mình làm ra.

**b. Năng lực đặc thù:**

 - Năng lực ngôn ngữ:

+ HS phát triển kĩ năng viết thông qua viết câu có chứa một số âm - vần đã học.

+ HS phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và kể câu chuyện *Chuột nhà và chuột đồng* vàtrả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện.

**3. Phẩm chất:**

 Chăm chỉ : HS biết theo dõi GV, bạn kể câu chuyện và kể được từng đoạn câu chuyện, cả câu chuyện.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, màn hình tivi

- Sách GK, bảng con, vở

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu****Khởi động**- HS viết uôn, uông ,ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc**2.Hoạt động Luyện tập, thực hành****2.1 Đọc âm, tiếng, từ ngữ**- Đọc vần: hs ghép GV ghi vào bảng- Đọc từ ngữ:+ HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn đồng thanh. GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.**2.2. Đọc đoạn**-GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.- GV đọc mẫu.- GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc đồng thanh.- GV yêu cầu HS trả lời một số cầu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:+ Ông trồng những loại cây nào?+ Các loài cây ấy đang ở vào thời điểm nào? + Ông nuôi những con vật gì? + Những con vật ấy có gì đặc biệt?**2.3. Viết cầu**- GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một cầu “Khóm chuối đã trổ buồng” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.- GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | -HS viết-HS cá nhân, nhóm đánh vần các vần . Lớp đánh vần đồng thanh.

|  | c | m | n | t | ng |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| uô | uôc | uôm | uôn | uôt | uông |

- HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. ( *cá đuối, tuổi trẻ quả muỗm, muôn màu, lem luốc, vuốt ve, cưỡi ngựa,, luống cuống, nướu răng*)Lớp đọc trơn đồng thanh- HS đọc thầm đoạn tìm: *chuối, tươi, buồng, bưởi, ruộm, nuôi, khướu, cuộn, sưởi*- HS: lắng nghe- HS đọc cả đoạn cá nhân, cả lớp-HS : khóm chuối xanh, bưởi, đu đủ-HS :đã trổ bông và chín-HS: gà mẹ gà con, đôi chim khướu, chú mèo-HS: rất đáng yêu-HS lắng nghe-HS viết -HS lắng nghe |

**Tiết 2**

| **2.4. Kể chuyện****b. GV kể chuyện, đặt cầu hỏi và HS trả lời**Lần 1: GV kể toàn bộ cầu chuyện.Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt cầu hỏi.Đoạn 1: Từ đầu đến bỏ quê lên thành phố. GV hỏi HS:1. Khi chuột nhà đến chơi, chuột đồng đã thết đãi chuột nhà những gì?2. Vì sao chuột nhà rủ chuột đồng lên thành phố? Đoạn 2: Từ Tối đầu tiên đi kiếm ăn đến Ta sẽ đi lối khác kiếm ăn. GV hỏi HS:3. Tối đầu tiên đi kiếm ăn trên thành phố, chúng gặp phải chuyện gì?4. Thất bại ở trong lần đầu kiếm ăn, chuột nhà đã an ủi chuột đồng như thế nào?Đoạn 3: Từ Lần này đến cái bụng đói meo, GV hỏi HS:5. Chuyện gì xảy ra khi chuột nhà và chuột đồng mò đến kho thực phẩm?4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:6. Sau rất nhiều chuyện xảy ra, chuột đồng quyết định làm gi?7. Chia tay chuột nhà, chuột đồng nói gì?- GV có thể tạo điểu kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể**c. HS kể chuyện** -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ cầu chuyện. GV cần tạo điểu kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ cầu chuyện và thi kể chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gìan để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả,**3. Củng cố**- GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà; kể cho người thân trong gìa đình hoặc bạn bè cầu chuyện  | -HS lắng nghe-HS lắng nghe- HS: Đó chỉ là những thân cây đã khô queo, những củ quả vẹo vọ mà chuột đồng đã khó nhọc tìm kiếm, nhặt nhạnh trên những cánh đồng làng. - HS: Ở thành phố thức ăn sạch sẽ, ngon lành mà lại dễ kiếm.-HS: Một con mèo đang rượt theo-HS: Thua keo này, bày keo khác. Ta sẽ đi lõi khác kiếm ăn.-HS: Một con chó dữ dằnn cử nhằm vào hai con chuột mà sủa.- HS: Sáng hôm sau, chuột đồng thu xếp hành lí, vội chia tay chuột nhà-HS: Thôi, tớ về quê đây. Thà gặm mấy thứ xoàng xĩnh do chính tay mình làm ra còn hơn-HS kể từng đoạn-HS kể toàn bộ câu chuyện- Lớp nhận xét-HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

Hoạt động trải nghiệm

**SINH HOẠT LỚP TUẦN 15**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS **chủ đề An toàn cho em**

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…
2. HS: Ngồi theo tổ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Ổn định tổ chức:**- GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.**2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau****a/ Sơ kết tuần học**\* YÊU CẦU CẦN ĐẠT: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.\*Cách thức tiến hành:- Lớp trưởng mời lần lượt các tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của tổ mình trong tuần qua.+ Lần lượt các Tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.Sau báo cáo của mỗi tổ, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.- Lớp trưởng nhận xét chung tinh thần làm việc của các tổ trưởng và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà tổ trưởng đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).- Lớp trưởng tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở các cá nhân, nhóm, cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).- Lớp trưởng mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:+ Phương pháp làm việc của ban cán sự lớp; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.+ Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.+ Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).+ Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.- Lớp trưởng : *Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.***b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**- Lớp trưởng cho cả lớp hát một bài trước khi các tổ báo cáo kế hoạch tuần tới.- Lần lượt các Tổ trưởng báo cáo kế hoạch tuần tới.Sau mỗi tổ báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện. - Lớp trưởng: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các tổ.*Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa?* (Cả lớp trả lời)- Lớp trưởng: *Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.*- Lớp trưởng: *mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến*.- Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.**3. Sinh hoạt theo chủ đề: ………………**- Gv nêu những yêu cầu để có lớp học an toàn, thân thiện như:+ Giúp nhau trong học tập, khi gặp khó khăn.+ Chơi hòa đồng với tất cả các bạn.+ Tự giác thực hiện những quy định của trường, lớp.+ Không bắt nạt nhau+ Tránh gây ra sự không an toàn trong lớp.- GV yêu cầu HS nêu lên những hành động tích cực, đáng khích lệ, cả những hành động không mong đợi đã thể hiện trong lớp cần khắc phục.**ĐÁNH GIÁ**1. **Cá nhân tự đánh giá**

-GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới đây:-Tốt: Thực hiện được thường xuyên tất cả các yêu cầu sau:+ Nhân biết được các biểu hiện của bắt nạt.+ Biết ứng xử phù hợp khi bị bắt nạt.-Đạt: Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên. -Cần cố gắng: Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thường xuyên.**b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**-GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:**c) Đánh giá chung của GV**GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung**4.Củng cố - dặn dò**- Nhận xét tiết học của lớp mình.- GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS hát một số bài hát.-Các tổ trưởng nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của tổ.- Lớp trưởng nhận xét chung cả lớp.- HS nghe.- HS nghe.- HS nghe.- Các tổ thực hiện theo. - Các tổ thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.- Tổ trưởng lên báo cáo.-HS nêu theo sự hiểu biết của mình.HS cam kết thực hiện các yêu cầu của lớp học an toàn, thân thiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**BÀI 4: PHÒNG TRÁNH TNTT DO CÁC TRÒ CHƠI NGUY HIỂM**

**I. Yêu cầu cần đạt:** Học xong bài nầy HS có khả năng:

 - Biết được sự nguy cơ gây tai nạn của các trò chơi nguy hiểm như: bắn súng cao su, bắn súng đạn nhựa, chơi khăng trượt patin….

 - Biết cách phòng, tránh các tai nạn thương tích khi chơi các trò chơi nguy hiểm

 - Thực hiện phòng, tránh các tai nạn thương tích khi chơi các trò chơi nguy hiểm

**II. Chuẩn bị**

 - Tranh, ảnh mô tả một số trò chơi như: bắn súng cao su, bắn súng đạn nhựa, chơi khăng trượt patin….

**III.Hoạt động dạy học:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** : Cả lớp hát một bài**2. Hoạt động 1**: Thảo luận nhóm *a)Mục tiêu:* .HS biết được nguy cơ gây tai nạn thương tích của các trò chơi bắn súng cao su, bắn súng đạn nhựa, chơi khăng trượt patin…. *b)Cách tiến hành*- GV treo các tranh lên bảng, hướng dẫn các nhóm hoạt động: các em gọi tên các trò chơi trong tranh và kể các tai nạn thương tích có thể xảy ra do các trò chơi đó gây ra. + Tranh 1: mô tả cảnh một em trai đang dùng súng cao su bắn chim do bất cẩn bắn trúng một người khác.  + Tranh 2: Mô tả một vài em trai đang dùng súng (bắn đạn nhựa) để bắn nhau, một em bị trúng vào mặt nhăn nhó đau đớn. + Tranh 3: mô tả cảnh một vài emtrai đang chơi patin, một em bị ngã. + Tranh 4: mô tả cảnh một vài em đang chơi đánh khăng. Một em bị que khăng bay vào đầu chảy máu.- GV tổng hợp các ý kiến *c) Kết luân:* + Tranh 1: mô tả cảnh một em trai đang dùng súng cao su bắn chim. Bắn chim có thể không may bắn vào người khác gây thương tích nguy hiểm.  + Tranh 2: mô tả một vài em trai đang dùng súng bắn đạn nhựa để bắn nhau. Trò chơi này rất nguy hiểm, Đạn nhựa bắn vào mắt làm hỏng mắt bạn.  + Tranh 3: mô tả cảnh một vài em trai đang chơi patin, có em bị ngã gây thương tích nguy hiểm. + Tranh 4: mô tả trò chơi đánh khăng. Khi chơi do bất cẩn, que khăng bay vào đầugây thương tích nguy hiểm. **3/Hoạt động 2:** Thảo luận nhóm đôi*a.Mục tiêu:* .HS biết được cách phòng tránh các tai nạn do các trò chơi nguy hiểm trên.*b.Cách tiến hành:* - GV nêu các yêu cầu: các nhóm hãy thảo luận làm thế nào để phòng tránh các tai nạn thương tích do các trò chơi trên? *c)Kết luân:* Để phòng tránh các tai nạn thương tích do các trò chơi trên cần ghi nhớ: không nên chơi các trò chơi ngu hiểm. **\*Kết luận chung***:* Có rất nhiều trò chơi, các em hãy chơi các trò chơi an toàn, không chơi các trò chơi nguy hiểm như bắn súng cao su, bắn súng đạn nhựa, chơi khăng trượt patin….**4/ Củng cố, nhận xét giờ học** - Nhận xét chung, dặn dò. | - Học sinh quan sát, lắng nghe- Các nhóm thảo luận- Đại diện các nhóm trình bày, mỗi nhóm trình bày một nội dung một tranh và nêu các tai nạn thương tích khác có thể xảy ra, các nhóm khác góp ý. - Các nhóm trao đổi. - Đại diện một vài nhóm trình bày, các em khác bổ sung. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

 **Đã duyệt 03/11/2023**

 **TỔ TRƯỞNG**



 **Võ Thị Mỹ**